| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CỦ CHI**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **504**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2025
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tô Thanh Liêm

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Văn Bé, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:*** Không tham gia.

Trong ngày 08/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sở thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1333/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024, về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 194/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ái P, sinh năm: 1991 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Nơi ở hiện nay: Số A, đường số G, khu phố N, phường D, Thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có bà Nguyễn Thị Hà N là Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Trí T, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ làm việc: Số F, đường N, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ái P trình bày:*

Vào năm 2009 bà và ông Nguyễn Trí T có đăng ký kết hôn, giấy đăng ký kết hôn số 39 ngày 14/9/2009 tại UBND xã T, huyện T, Tỉnh Hà Tĩnh.

Lý do ly hôn: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì đến đầu năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã,

gây gỗ nhau. Quá trình sống chung của hai vợ chồng đã không còn hòa hợp nữa và không còn yêu thương nhau nữa.

Nên bà P và ông T xét thấy mục đích xây dựng gia đình không đạt được, tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nữa, hai bên không thể thông cảm chia xẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Bà P và ông T đã ly thân từ tháng 01/2012 cho đến nay.

Vì vậy, bà P làm đơn này kính mong Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trí T.

*Về con chung:

Có 01 con chung là bé: Nguyễn Chí Anh T1 sinh ngày 12/11/2009 (Giấy khai sinh số 65 quyển số 01 do UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 10/5/2010), bà P yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con và bà không yêu cầu cấp dưỡng.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Về nợ chung: Không có.

**Bị đơn ông Nguyễn Trí T vắng mặt**

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ái P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trí T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp ""Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Trí T cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Việc vắng mặt của ông Nguyễn Trí T, Tòa án đã triệu tập, và thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật ông T có ký tên nhận các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Đồng thời, ngày 13/3/2025, bà P có Đơn xin xét vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ái P và ông Nguyễn Trí T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T có đăng ký kết hôn số 39 ngày 14/9/2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân giữa bà P và ông T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà P yêu cầu ly hôn với ông T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Ông T vắng mặt không có lý do chính đáng là tự bỏ quyền chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 1 con chung là Nguyễn Chí A Thiên sinh ngày 12/11/2009, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi ưỡng và chăm sóc con chung và trẻ Nguyễn Chí A Thiên có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông T vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi 01 con chung của bà P.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Các bên không tranh chấp.

[7] Về nợ chung: Các bên không tranh chấp.

[8] Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, bà L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nhận thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ái P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ái P được ly hôn với ông Nguyễn Trí T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 14/9/2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho bà Trần Thị Ái P và ông Nguyễn Trí T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Chí Anh T1, sinh ngày 12/11/2009 cho bà Trần Thị Ái P được quyền tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà Trần Thị Ái P không yêu cầu ông Nguyễn Trí T cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên không tranh chấp.
- Về nợ chung: Các bên không tranh chấp.

2. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị Ái P chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016696 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Ái P đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tô Thanh Liêm**